

PHỤ LỤC

Dự án: Khu dân cư Đồng Trước, thôn Thọ Lộc Bắc và thôn Hà Nhai Nam
 (Kèm theo Thông báo số 2370 /TB-UBND ngày 18 /9/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

TT	Họ tên	Vật kiến trúc, chủng loại, quy cách cây trồng	ĐVT	Khối lượng	Thời điểm tạo lập (theo hộ dân kê khai)	Số Thửa	ghi chú
I	Phần Nhà, Công trình khác						
1	Hộ ông Lê Văn Võ						
		Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) - Trụ bê tông	m3	1.53	2012	118	
		Giếng đóng bằng ống PVC Ø60, Chiều sâu $> 4m \div \leq 8m$	md	8	2012	118	
		Chuồng trâu, bò khung gỗ (hoặc trụ bê tông), nền đất, mái lợp tôn.	m2	43.52	2012	1520	
		Cộng chênh lệch nền Bê tông xi măng/đất	m2	43.52	2012	1520	
		Kết cấu bê tông đúc sẵn cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) - Trụ bê tông	m3	1.35	2012	1520	
		Giếng buy bê tông không có cốt thép đường kính: $1,0m \leq \varnothing < 1,2m$	m	4	2012	1520	
		Đào ao nuôi cá, tôm, thủy sản các loại (đào đất):	m3	69.65	2012	1520	
		Nền Bê tông xi măng bề mặt ao	m2	97.92	2012	1520	
		Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lưới B40	m2	60.16	2012	1520	
		Kết cấu bê tông đúc sẵn cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) - Trụ bê tông	m3	0.36	2012	1505	
		Kết cấu bê tông đúc sẵn cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) - Trụ bê tông	m3	0.32	2012	1808	
		Kết cấu bê tông đúc sẵn cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) - Trụ bê tông	m3	0.5	2012	70	
2	Ông Lê Đình Vận						

		Tường rào móng xây đá chẻ, cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40	m2	97.68	2020	285	
		Tường rào cột ống thép (cọc sắt hoặc trụ gỗ), tường lắp lưới B40	m2	69.4	2020	285	
		Mái hiên cột thép (hoặc gỗ, hoặc bê tông), xà gỗ thép (hoặc gỗ), lợp tôn (hoặc ngói), nền đất.	m2	30.36	2020	285	
		Tường rào móng xây đá chẻ, cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40	m2	170.12	2020	245	
		Tường rào cột ống thép (cọc sắt hoặc trụ gỗ), tường lắp lưới B40	m2	20.08	2020	245	
II	CÂY TRỒNG						
1	Hộ ông Nguyễn Trung Lâm						
		Keo có đường gốc > 4cm đến ≤ 8 cm	cây	28	2022	1110	
		Chuối con đèn chưa cho quả	cây	11	2022	1110	
		Chuối cho hoa, quả	cây	4	h.năm	1110	
		Cây cỏ các loại	m2	115.9	h.năm	1776	
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	158.6	h.năm	1582	
2	Bà Nguyễn Thị Cúc Bảo						
		Keo có đường gốc > 16cm đến ≤ 20 cm	cây	7	2019	1337	
		Chuối cho hoa, quả	cây	37	2019	1337	
		Chuối con đèn chưa cho quả	cây	98	2019	1337	
3	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn						
		Cây cỏ các loại	m2	2.7	h.nam	1336	
4	Hộ ông Bùi Ngọc Thiệu						
		Cây cỏ các loại	m2	1.6	2026	1446	
5	Hộ bà Lê Thị Hựu						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	13.8	h.nam	1447	
		Keo có đường gốc > 12cm đến ≤ 16 cm	m2	75.7	h.nam	215	
6	Hộ ông Lê Hoàng Thu						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	13.5	2026	1448	
7	Hộ ông Trần Tùng						

		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	72.7	h.nam	1452	
8	Hộ ông Lương Văn Hội						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	6.5	h.nam	1454	
9	Hộ bà Lê Thị Chiêm						
		Đậu phụng	m2	326.1	h.nam	1457	
10	Hộ bà Lê Thị Phương (chết) - con Nguyễn Thị Kim Duyên kk						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	139.5	h.nam	1458	
11	Hộ bà Lê Thị Anh						
		Ngô	m2	303.5	h.nam	1500	
12	Hộ bà Lương Thị Thiết						
		Cây cỏ các loại	m2	38.4	h.năm	1508	
13	Hộ bà Nguyễn Thị Ry (tên khác là Nguyễn Thị Hồng Liên)						
		Cây cỏ các loại	m2	582.7	h.nam	1518	
14	Hộ ông Nguyễn Giờ						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	633.1	h.nam	1522	
15	Hộ ông Bùi Văn Danh						
		Đậu phụng	m2	480.2	h.nam	1526	
16	Ông Lưu Phú Liêm						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	243.1	h.nam	1527	
17	Hộ bà Huỳnh Thị Tuyết						
		Cây cỏ các loại	m2	328.9	h.nam	1529	
18	Hộ ông Lương Ân						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	90.7	h.nam	1575	
19	Hộ ông Nguyễn Trung Sỹ						
		Cây cỏ các loại	m2	53.4	h.nam	1615	
20	Hộ ông Nguyễn Chánh						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	748.6	h.nam	1627	
21	Ông Lê Hoàng Anh Vũ						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	110.7	h.nam	1612	

		Cây Sắn (Mỳ)	m2	281.7	h.nam	33	
22	Hộ ông Nguyễn Văn Chính						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	72.8	2025	1614	
23	Ông Nguyễn Thanh Sang và bà Nguyễn Thị Mỹ Hành						
		Chuối con đến chưa cho quả	cây	15	h.nam	1723	
		Chuối cho hoa, quả	cây	6	h.nam	1723	
		Cau chưa cho quả có chiều cao thân $\geq 2\text{m}$	cây	2	2010	1723	
		Mít ghép chưa cho quả có chiều cao thân $\geq 1\text{m}$	cây	2	2024	1723	
24	Hộ ông Nguyễn Hồng Anh						
		Ngô	m2	124.7	h.nam	1742	
25	Hộ ông Nguyễn Tấn Tài						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	176.6	2025	234	
26	Hộ ông Bùi Phò						
		Cây cỏ các loại	m2	156	2025	122	
		Keo có đường gốc $> 4\text{cm}$ đến $\leq 8\text{ cm}$	cây	69	2023	60	
27	Hộ bà Bùi Thị Ca						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	153.1	h.nam	124	
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	312.1	h.nam	213	
28	Hộ ông Bùi Ngọc Thọ						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	688.3	2025	152	
29	Hộ ông Bùi Ngọc Dũng						
		Keo có đường gốc $> 2\text{cm}$ đến $\leq 4\text{ cm}$	cây	142	2023	153	
		Keo có đường gốc $\leq 2\text{cm}$	cây	19	2023	153	
30	Hộ bà Lương Thị Tịnh (chồng Hứa Minh)						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	536.3	h.nam	18	
31	Hộ ông Trần Minh Quốc						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	635	h.nam	19	
32	Hộ ông Trần Văn Hùng (chết) - vợ Nguyễn Thị Búp kk						

		Keo có đường gốc > 8cm đến $\leq$ 12 cm	cây	25	2023	46	
		Keo có đường gốc > 4cm đến $\leq$ 8 cm	cây	62	2023	46	
33	bà Nguyễn Thị Thúy Nga						
		Lúa chưa đến kỳ thu hoạch	m2	399.9	h.nam	197	
34	Hộ ông Lê Trần (chết) - con Lê Thị Liễu kk						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	286.1	2025	208	
35	Hộ ông Nguyễn Văn Bé						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	522.1	10/2025	210	
		Chuối cho hoa, quả	cây	32	2017	210	
		Chuối con đến chưa cho quả	cây	48	2017	210	
		Xoan ta (thầu đầu) đường kính gốc từ > 16cm đến $\leq$ 20cm	cây	5	2010	210	
		Sầu đông có đường kính gốc từ > 8cm đến $\leq$ 12cm	cây	2	2010	210	
36	Hộ ông Nguyễn Nhân						
		Cây Sắn (Mỳ)	m2	13.2	2025	212	
37	Hộ ông Lê Văn Lực						
		Ngô	m2	67.8	5/2026	216	
38	Hộ bà Lê Thị Sam						
		Cây cỏ các loại	m2	222	2022	218	
39	Ông Lê Đình Vận						
		Cau chưa cho quả có chiều cao thân $\geq$ 2m	cây	21	2019	245	
		Cau có chiều cao thân từ 0,5m đến < 2m, chưa cho quả	cây	80	2019	245	
		Mít ghép đang cho quả có đường kính gốc < 20cm	cây	1	2018	245	
		Mận chưa cho quả có chiều cao thân $\geq$ 1m	cây	1	2019	245	
		Xoài ghép đang cho quả có đường kính gốc < 20cm	cây	1	2018	245	
		Sapôchê ghép đang cho quả có đường kính gốc < 10cm	cây	1	2018	245	
		Mít ghép đang cho quả có đường kính gốc < 20cm	cây	6	2018	285	
		Mít ghép đang cho quả có đường kính gốc $\geq$ 20cm đến < 30cm	cây	5	2018	285	
		Xoài ghép đang cho quả có đường kính gốc < 20cm	cây	2	2018	285	

		Chanh trồng hạt đang cho quả có tán rộng $\geq 2\text{m}$	cây	4	2018	285	
		Cam ghép đang cho quả có đường kính gốc $< 15\text{cm}$	cây	1	2018	285	
		Bưởi ghép đang cho quả có đường kính gốc $< 15\text{cm}$	cây	2	2018	285	
		Nhãn trồng hạt chưa cho quả	cây	3	2018	285	
		Táo ghép đang cho quả có đường kính gốc $\geq 5\text{cm}$	cây	2	2018	285	
		Sapôchê ghép đang cho quả có đường kính gốc $< 10\text{cm}$	cây	2	2018	285	
		Vú sữa ghép chưa cho quả có chiều cao thân $> 1\text{m}$	cây	1	2019	285	
		Ổi ghép đang cho quả	cây	3	2018	285	
		Ổi ghép chưa cho quả	cây	1	2018	285	
40	Ông Đỗ Đình Phước						
		Cây cỏ các loại	m2	161.9	2020	291	
		Cây cỏ các loại	m2	545.5	2020	312	